

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HS-ST

Ngày : 22/02/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Liên;

2/ Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 210/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/HSST-QĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc Tr, sinh năm 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc G, sinh năm: 1975 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Phương U, sinh năm 1976; tiền án: Ngày 27/11/2018, bị Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (bản án số 182/2018/HS-ST ngày 27/11/2018); tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 27/3/2021, có mặt.

* Bị hại: Bà Nguyễn Thị Thúy Ph, sinh năm: 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện G, tỉnh Long An

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Thái Thị X, sinh năm: 1975 – đại diện hộ kinh doanh K (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; địa điểm kinh doanh: Ấp N, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1971 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông H1uỳnh T, sinh năm: 1989 – đại diện hộ kinh doanh cửa hàng điện thoại P (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Khu phố N, Phường C, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; địa điểm kinh doanh: Đường K, ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Đường số K, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Ông Vũ Văn H1, sinh năm: 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Chung cư L, Phường X, Quận Y Thành phố Hồ Chí Minh;

3. Chị Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm: 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ N, khu phố T, thị trấn G, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 18/3/2021, Phạm Ngọc Tr điều khiển xe máy Yamaha Exciter gắn biển số 51P8-0867 lưu thông trên đường Tô Ký, khi phát hiện bà Nguyễn Thị Thúy H điều khiển xe máy Honda SH, biển số 59K1-733.26 chở bà Nguyễn Thị Thúy Ph ngồi phía sau có mang túi xách, Tr chạy xe bám theo đến trước nhà số 222 Tô Ký ấp M, xã T, huyện H thì áp sát bên phải bà Ph, dùng tay trái giật túi xách rồi tăng tốc độ tẩu thoát. Khi đó, ông Vũ Văn H1 chứng kiến vụ việc liền truy hô cướp và chạy xe máy đuổi theo nhưng không kịp. Sau khi cướp giật được túi xách, Tr chạy đến khu đất trống cạnh nhà số 16/1 ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh lục túi xách lấy số tài sản bên trong gồm 5.800.000 (năm triệu tám trăm nghìn) đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10 Plus màu trắng, 01 đôi bông tai kim loại vàng 18k có trọng lượng 1,5 chỉ còn túi xách cùng giấy tờ thì vứt bỏ.

Qua điều tra truy xét, ngày 27/3/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Ngọc Tr. Tại Cơ quan điều tra, Tr khai nhận sau khi cướp giật được tài sản, Tr mang điện thoại di động hiệu Samsung tới cửa hàng điện thoại P, địa chỉ đường K, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh do ông H1uỳnh T làm chủ bán được 3.700.000 (ba triệu bảy trăm nghìn) đồng. Tuy nhiên ông H1uỳnh T không thừa nhận việc có mua điện thoại này. Riêng đôi bông tai Tr mang tới tiệm vàng K, địa chỉ ấp N, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh bán được số tiền 4.750.000 (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Tất cả số tiền này Tr đã tiêu xài hết.

Đối với việc bà Nguyễn Thị Thúy Ph trình báo ngoài số tài sản mà Tr cướp giật được là chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10 Plus màu trắng, 01 đôi bông tai kim loại vàng 18k có trọng lượng 1,5 chỉ và 01 túi xách nữ không có nhãn hiệu màu đen thì còn có số tiền trong túi xách là 58.500.000 (năm mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng nhưng Tr chỉ thừa nhận số tiền trong túi xách là 5.800.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xác định.

Ngoài ra, quá trình điều tra Tr còn khai nhận đã thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản:

Vụ 1: Ngày 21/3/2021, Tr điều khiển xe máy Yamaha Exciter biển số 51P8-0867 cướp giật túi xách bên trong không có tài sản gì của một người phụ nữ (không rõ lai lịch) tại tuyến đường Quốc lộ 22 thuộc xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vụ 2: Ngày 24/3/2021, Tr điều khiển xe máy Yamaha Exciter biển số 51P8-0867 cướp giật túi xách bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Huawei của một người phụ nữ (không rõ lai lịch) tại tuyến đường Quốc lộ 22 thuộc xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, Tr đã bán điện thoại này cho ông H1uỳnh T được số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng. Ông H1uỳnh T thừa nhận việc mua điện thoại di động hiệu Huawei của Tr bán và đã giao nộp nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có.

Đối với 02 vụ cướp giật trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H chưa xác định được bị hại nên không có căn cứ để xử lý.

Kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐĐGTS ngày 08/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận:

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10 Plus màu trắng có giá 6.000.000 (sáu triệu) đồng;

+ 01 đôi bông tai kim loại vàng 18k có trọng lượng 1,5 chỉ có giá 5.539.350 (năm triệu năm trăm ba mươi chín nghìn ba trăm năm mươi) đồng;

+ 01 túi xách nữ không có nhãn hiệu màu đen nude có kích thước 30cm x 20cm chất liệu simili có giá 100.000 (một trăm nghìn) đồng;

Tổng cộng: 11.639.350 (mười một triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn ba trăm năm mươi) đồng.

Cáo trạng số 172/CT-VKS-HS ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Phạm Ngọc Tr về tội Cướp giật tài sản theo Điểm d, i Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc Tr phạm tội Cướp giật tài sản. Áp dụng Điểm d, i Khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Tr từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị xử lý vật chứng như sau:

Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện H thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để truy tìm chủ sở hữu hợp pháp đối với xe máy Yamaha Exciter gắn biển số 51P8-0867, không xác định được số máy, số khung và 01 điện thoại di động hiệu HuaWei Model ANE-LX2 có số IMEI 867907038308076 màn hình cảm ứng, nắp lưng màu xanh; tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác màu xanh có 03 sọc trắng ở hai tay áo, 01 áo sơ mi ngắn tay kẻ caro màu nâu và 01 quần Jeans dài màu xanh.

Về trách nhiệm dân sự: Ban đầu bị hại yêu cầu bồi thường số tiền là 71.100.000 (bảy mươi một triệu một trăm nghìn) đồng nhưng sau đó bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, bị cáo đồng ý bồi thường 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng theo yêu cầu của bị hại. Xét sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bị hại là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên.

Bị cáo Phạm Ngọc Tr thừa nhận hành vi như cáo trạng là đúng, không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo Tr thấy rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Về phần bồi thường thiệt hại cho bị hại: Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt là 11.900.000 (mười một triệu chín trăm nghìn) đồng, bao gồm 5.800.000 (năm triệu tám trăm nghìn) đồng tiền mặt; 6.000.000 (sáu triệu) đồng đối với điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10 Plus màu trắng và 100.000 (một trăm nghìn) đồng đối với túi xách nữ không có nhãn hiệu màu đen (theo giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự). Ngoài ra, bị cáo tự nguyện bồi thường thêm theo yêu cầu của bị hại là 38.100.000 (ba mươi tám triệu một trăm nghìn) đồng.

Tại phiên tòa, trong phần xét hỏi bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 71.100.000 (bảy mươi một triệu một trăm nghìn) đồng, trong đó bao gồm 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng tiền mặt, 6.000.000 (sáu triệu) đồng đối với điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10 Plus màu trắng và 100.000 (một trăm nghìn) đồng đối với túi xách nữ không có nhãn hiệu màu đen. Tuy nhiên, sau đó bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, bao gồm: Tiền mặt, tiền điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10 Plus màu trắng và túi xách nữ không có nhãn hiệu màu đen.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Thái Thị X, bà Nguyễn Thị B đã được gia đình bị cáo bồi thường và không có yêu cầu bồi thường gì thêm đồng thời vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông H1uỳnh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời không có yêu cầu bồi thường gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thái Thị X, bà Nguyễn Thị B và ông H1uỳnh T vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố bà X, bà B và ông T đã cung cấp lời khai và việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt.

[3]. Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc Tr khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại Cơ quan Điều tra đều thống nhất với nhau, phù hợp với kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐĐGTS ngày 08/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, phù hợp với lời khai của bị hại về hành vi giật túi xách, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan Điều tra đã thu thập được. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 18/3/2021, Phạm Ngọc Tr điều khiển xe máy Yamaha Exciter, màu đỏ đen gắn biển số 51P8-0867 lưu thông trên đường Tô Ký, khi phát hiện bà Nguyễn Thị Thúy H điều khiển xe máy Honda SH, biển số 59K1-733.26 chở bà Nguyễn Thị Thúy Ph ngồi phía sau có mang túi xách, bị cáo chạy xe bám theo đèn trước nhà số 222 Tô Ký ấp M, xã T, huyện H thì áp sát bên phải bà Ph, dùng tay trái giật túi xách rồi tăng tốc độ tẩu thoát. Sau khi cướp giật được túi xách, bị cáo chạy đến khu đất trống cạnh nhà số 16/1 ấp M, xã T, huyện H lục túi xách lấy số tài sản bên trong gồm 5.800.000 (năm triệu tám trăm nghìn) đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10 Plus màu trắng, 01 đôi bông tai kim loại vàng 18k có trọng lượng 1,5 chỉ còn túi xách cùng giấy tờ thì vứt bỏ.

[3.1]. Theo kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐĐGTS ngày 08/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10 Plus màu trắng có giá 6.000.000 (sáu triệu) đồng; 01 đôi bông tai kim loại vàng 18k có trọng lượng 1,5 chỉ có giá 5.539.350 (năm triệu năm trăm ba mươi chín nghìn ba trăm năm mươi) đồng; 01 túi xách nữ không có nhãn hiệu màu đen nude có kích thước 30cm x 20cm chất liệu

simili có giá 100.000 (một trăm nghìn) đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo Tr chiếm đoạt của bị hại là 17.439.350 (mười bảy triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn ba trăm năm mươi) đồng.

[3.2]. Tại Cơ quan điều tra, bị hại khai vào ngày 18/3/2021 bị hại để trong túi xách số tiền 58.500.000 (năm mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng, mục đích đem lên thành phố mua xe SH cho con gái do có hẹn qua mạng với người bán. Tại phiên tòa, trong phần xét hỏi bị hại khai số tiền mặt để trong túi xách là 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo khẳng định chỉ có 5.800.000 (năm triệu tám trăm nghìn) đồng trong túi xách. Ngoài lời khai của bị hại và con gái của bị hại thì không có chứng cứ nào khác chứng minh bị hại đã bỏ 58.500.000 (năm mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng hoặc 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng vào túi xách và bị cáo đã chiếm đoạt số tiền trên đồng thời Viện kiểm sát nhân dân huyện H không truy tố đối với hành vi chiếm đoạt số tiền nêu trên nên không thuộc phạm vi xét xử của Hội đồng xét xử. Sau này nếu có chứng cứ chứng minh bị cáo còn chiếm đoạt những tài sản khác ngoài số tiền mặt là 5.800.000 (năm triệu tám trăm nghìn) đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10 Plus màu trắng; 01 đôi bông tai kim loại vàng 18k có trọng lượng 1,5 chỉ và 01 túi xách nữ không có nhãn hiệu màu đen nude có kích thước 30cm x 20cm chất liệu simili theo truy tố của Viện kiểm sát tại hồ sơ vụ án này thì cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3.3]. Xét hành vi của bị cáo Tr là nguy hiểm, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, qua đó đe dọa nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang cho cuộc sống đời thường của nhân dân. Khi thực hiện hành vi, bị cáo Tr là người có đầy đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự, biết rõ việc sử dụng xe gắn máy phân khối lớn, là nguồn nguy hiểm cao độ làm phương tiện để ép sát, nhanh chóng giật túi xách của bị hại và tẩu thoát là thủ đoạn nguy hiểm, tiềm ẩn nguy cơ gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại và những người đang lưu thông trên đường nhưng xuất phát từ ý thức xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi.

[3.4]. Ngày 27/11/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (bản án số 182/2018/HS-ST ngày 27/11/2018) chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý theo Điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Ngọc Tr đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm.

[3.5]. Như vậy, hành vi của bị cáo Tr đã đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung là dùng thủ đoạn nguy hiểm và tái phạm nguy hiểm theo quy định tại Điểm d, i Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình

sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Tr về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mặc dù bị cáo không tác động nhưng gia đình bị cáo đã chủ động đền bù thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xem đây là tình tiết để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6]. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên đối với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

[7.1]. Tại Cơ quan điều tra bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng. Tại phiên tòa, trong phần xét hỏi bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 71.100.000 (bảy mươi một triệu một trăm nghìn) đồng, trong đó bao gồm 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng tiền mặt, 6.000.000 (sáu triệu) đồng đối với điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10 Plus màu trắng và 100.000 (một trăm nghìn) đồng đối với túi xách nữ không có nhãn hiệu màu đen. Tuy nhiên, sau đó bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, bao gồm: Tiền mặt, tiền điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10 Plus màu trắng và túi xách nữ không có nhãn hiệu màu đen.

[7.2]. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 11.900.000 (mười một triệu chín trăm nghìn) đồng, bao gồm 5.800.000 (năm triệu tám trăm nghìn) đồng tiền mặt; 6.000.000 (sáu triệu) đồng đối với điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10 Plus màu trắng và 100.000 (một trăm nghìn) đồng đối với túi xách nữ không có nhãn hiệu màu đen (theo giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự). Ngoài ra, bị cáo tự nguyện bồi thường thêm theo yêu cầu của bị hại là 38.100.000 (ba mươi tám triệu một trăm nghìn) đồng. Tổng số tiền bị cáo bồi thường cho bị hại là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Xét sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bị hại là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7.3]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thái Thị X, bà Nguyễn Thị B đã được gia đình bị cáo bồi thường và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7.4]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông H1uỳnh T không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng như sau:

[8.1]. Đối với vật chứng là 01 đôi bông tai kim loại vàng 18k có trọng lượng 1,5 chỉ kiểu dáng khoen tròn lá, trong quá trình điều tra Cơ quan Điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8.2]. Đối với vật chứng là 01 xe máy Yamaha Exciter màu đỏ đen, gắn biển số 51P8-0867, không xác định được số máy, số khung và 01 điện thoại di động hiệu HuaWei Model ANE-LX2 có số IMEI 867907038308076 màn hình cảm ứng, nắp lưng màu xanh. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra chưa xác định được chủ sở hữu. Do đó, giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện H thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để truy tìm chủ sở hữu. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo, nếu có người xuất trình đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh là chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại cho họ. Sau 01 năm kể từ ngày thông báo mà không xác định được ai là chủ sở hữu hợp pháp thì tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

[8.3]. Đối với vật chứng là 01 áo khoác màu xanh có 03 sọc trắng ở hai tay áo, 01 áo sơ mi ngắn tay kẻ caro màu nâu và 01 quần Jeans dài màu xanh không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9]. Về các tình tiết liên quan đến vụ án:

[9.1]. Đối với lời khai của bị cáo Tr về việc bị cáo thực hiện hai vụ cướp ngày 21/3/2021 tại tuyến đường Quốc lộ 22 thuộc xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và ngày 24/3/2022 tại tuyến đường Quốc lộ 22 thuộc xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ nếu có căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[9.2]. Đối với bà Nguyễn Thị B và ông H1uỳnh T là người mua 1,5 chỉ vàng 18k và điện thoại hiệu Huawei của bị cáo Tr, trong quá trình điều tra không có chứng cứ chứng minh khi bà B, ông T mua vàng và điện thoại di động của bị cáo Tr thì bà B, ông T biết vàng và chiếc điện thoại di động này là do phạm tội mà có nên Cơ quan Điều tra cũng như Viện kiểm sát nhân dân huyện H không xem xét trách nhiệm hình sự đối với hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” của bà B, ông T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, cụ thể như sau: Án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; án phí

dân sự sơ thẩm là 11.900.000 đồng x 5% = 595.000 (năm trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

[11]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc Tr phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng Điểm d, i Khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc Tr 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 3 năm 2021.

Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 586, Điều 589, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Bị cáo Phạm Ngọc Tr có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thúy Ph tổng số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng - trong đó gồm: 11.900.000 (mười một triệu chín trăm nghìn) đồng là tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại và 38.100.000 (ba mươi tám triệu một trăm nghìn) đồng bị cáo tự nguyện bồi thường thêm theo yêu cầu của bị hại.

Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thái Thị X, bà Nguyễn Thị B và ông H1uỳnh T không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

- Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để truy tìm chủ sở hữu đối

với 01 xe máy hiệu Yamaha Exciter màu đỏ đen, gắn biển số 51P8-0867, không xác định được số máy, số khung và 01 điện thoại di động hiệu Huawei Model ANE-LX2 có số IMEI 867907038308076 màn hình cảm ứng, nắp lưng màu xanh. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo, nếu có người xuất trình đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh là chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại cho họ. Sau 01 năm kể từ ngày thông báo mà không xác định được ai là chủ sở hữu hợp pháp thì tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác màu xanh có 03 sọc trắng ở hai tay áo, 01 áo sơ mi ngắn tay kẻ caro màu nâu và 01 quần Jeans dài màu xanh.

(Tang vật tạm giữ được thể hiện tại Quyết định chuyển vật chứng số 144/QĐ-VKS-HS ngày 14/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/10/2021).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 595.000 (năm trăm chín mươi lăm nghìn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H.H;
- Công an H.H;
- Chi cục THADS H.H;
- UBND xã Đ, huyện C;
- PC 53; Sở Tư pháp TP. HCM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy